

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/DS-ST
Ngày: 28-01-2021
V/v “Tranh chấp dân sự về hợp
đồng góp hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thiều
2. Bà Trần Ánh Nhạn

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Bích L, sinh năm 1969. Địa chỉ: KP4/50, Nội Ô B, thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh;

Bị đơn:

1. Chị Nguyễn Kim S, sinh năm 1979
2. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1950

Cùng địa chỉ: Ô1/236, khu phố T, thị trấn G, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Bà L và chị S có mặt; bà G có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Phạm Bích L trình bày: Bà là chủ hội, chị S là thành viên tham gia góp hội đối với dây hội tháng 3.000.000 đồng, có danh sách hội, mở ngày 06-9-2018 AL, kết thúc ngày 06-10-2020 AL (do nhuận hai tháng tư nên hội kết thúc vào ngày 06-9-2020 AL), gồm 26 phần và chị S tham gia 01 phần, chị S lĩnh hội lần thứ sáu vào ngày 06-02-2019 AL, hội mở với số tiền 800.000 đồng, chị S lĩnh hội được số tiền 59.000.000 đồng đã trừ tiền hoa hồng 1.000.000 đồng, còn lại số tiền 58.000.000 đồng, vào ngày 10-02-2019 AL bà có giấy tay giao các phần hội đã lĩnh cho chị S, có chị S và bà G là mẹ ruột chị S cùng ký tên nhận tiền. Sau khi lĩnh hội chị S đã góp hội được 11 kỳ đến ngày 06-02-2020 AL, còn lại 08 kỳ tính đến ngày kết thúc hội chị S chưa góp với số tiền là 24.000.000 đồng. Nay bà yêu chị S cùng bà G phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền hội còn nợ 24.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày 10-10-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngoài ra, bà không yêu cầu chồng chị S cùng chị S có nghĩa vụ trả cho bà số tiền trên, bà không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn, chị Nguyễn Kim S trình bày: Chị thừa nhận có tham gia góp hội do bà L là chủ hội đối với dây hội tháng 3.000.000 đồng như bà L trình bày. Hiện chị còn nợ bà L 08 kỳ hội chưa góp đến ngày kết thúc hội với số tiền 24.000.000 đồng là đúng. Tại giấy tay giao các phần hội mà chị đã lĩnh ngày 10-02-2019 AL chị có ký tên nhận tiền, nhưng vào ngày này thì bà L chỉ giao cho chị số tiền khoảng 15.000.000 đồng, khoảng 10 ngày sau thì bà L mới giao đủ cho chị số tiền lĩnh hội là 58.000.000 đồng, đã trừ tiền hoa hồng 1.000.000 đồng, lúc này bà L mới G giấy giao các phần hội mà chị đã lĩnh ngày 10-02-2019 AL và chị có ký tên, bà L giữ giấy giao tiền hội này. Khoảng 15 ngày sau khi chị ký tên vào giấy giao tiền hội ngày 10-02-2019 AL, thì bà L mới yêu cầu chị phải chở mẹ chị là bà G đến nhà bà Liễu, lúc này bà L yêu cầu mẹ chị bà G phải ký tên đã nhận tiền cùng với chị tại giấy giao tiền hội, nhưng mẹ chị bà G không có nhận tiền gì cả và cũng không có tham gia góp hội gì với bà L, mẹ chị không biết chị tham gia góp hội với bà L. Nay chị đồng ý trả cho bà L số tiền hội chưa góp đến ngày kết thúc hội là 24.000.000 đồng và lãi suất theo yêu cầu của bà L. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn, bà Nguyễn Thị G trình bày: Bà không đồng ý theo yêu cầu của bà L yêu cầu bà cùng với chị S phải trả số tiền nợ hội 24.000.000 đồng. Bà không có tham gia góp hội với bà L mà do con bà chị S tham gia góp hội với bà L và sau khi chị S nhận tiền lĩnh hội xong thì bà L có yêu cầu bà cùng ký tên vào giấy giao các phần hội mà chị S lĩnh ngày 10-02-2019 AL là đã nhận tiền cùng với chị S, nhưng bà không có nhận tiền gì cả. Ngoài ra, bà không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến khi vào nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào Điều 471, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 01 yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Bích L đối với chị Nguyễn Kim S về “Tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hui”.

- G nhận chị S đồng ý trả cho bà L số tiền nợ hui là 24.000.000 đồng và lãi suất kể từ ngày 10-10-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Bích L yêu cầu bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ cùng chị S trả cho bà số tiền nợ hui.

- G nhận bà L không yêu cầu chồng chị S có nghĩa vụ cùng chị S trả số tiền nợ hui.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn bà G có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Bà L không yêu cầu chồng chị S có nghĩa vụ cùng chị S trả cho bà số tiền nợ hui. Nên không cần đưa chồng chị S vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.2] Bà L khởi kiện yêu cầu chị S và bà G mẹ chị S phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ hui là 24.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 10-10-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

[2.3] Qua thu thập chứng cứ và hòa giải chị S thừa nhận có tham gia góp hui đây hui tháng 3.000.000 đồng, đã lĩnh hui với số tiền 58.000.000 đồng, còn nợ lại 08 kỳ hui chưa góp đến ngày kết thúc hui với số tiền 24.000.000 đồng theo yêu cầu của bà L là đúng, nhưng bà L yêu cầu bà G mẹ chị S có nghĩa vụ cùng chị S trả số tiền nợ hui 24.000.000 đồng, do bà G có ký tên nhận tiền tại giấy giao các phần hui mà chị S đã lĩnh ngày 10-02-2019 AL cùng với chị S.

[2.4] Xét giao dịch góp hui giữa bà L và chị S, các bên đã thỏa thuận thống nhất với nhau về chủ hui, số người tham gia, phần hui, thời gian diễn ra đây hui, kỳ mở hui, thể thức góp hui, lĩnh hui, quyền và nghĩa vụ của những người tham gia hui, trách nhiệm do vi phạm nghĩa vụ là phù hợp theo quy định tại Điều 479 của Bộ luật Dân sự và Điều 7, 8 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính Phủ về hộ, hui, biếu, phượng. Việc bà L yêu cầu bà G mẹ chị S có nghĩa vụ cùng chị S trả cho bà số tiền nợ hui 24.000.000 đồng là không có căn cứ. Bởi vì việc góp hui là do chị S tham gia, có danh sách hui, chị S là người nhận tiền lĩnh hui từ bà L, bà G mẹ chị S không trực tiếp tham gia góp hui với bà L, nhưng bà L yêu cầu bà G cùng ký tên là người nhận tiền với

chị S tại giấy giao tiền hội ngày 10-02-2019 AL, nhưng bà G không có nhận tiền. Nên bà L yêu cầu bà G mẹ chị S có nghĩa vụ cùng chị S trả cho bà số tiền số tiền nợ hội trên không được chấp nhận.

[2.5] Về lãi suất: Căn cứ vào khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Lãi suất được tính từ ngày 10-10-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 28-01-2021:

Từ ngày 10-10-2020 đến ngày 28-01-2021 là 01 tháng 18 ngày.

$24.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} \times 0,83\%/\text{tháng} = 318.720 \text{ đồng}.$

Tổng cộng 02 khoản nợ với số tiền 24.318.720 đồng. G nhận chị S đồng ý trả cho bà L số 24.318.720 đồng.

[3] Chị S phải chịu án sơ thẩm dân sự theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận 01 yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Bích Lỗi chị Nguyễn Kim S về “Tranh chấp dân sự về hợp đồng góp hội”.

G nhận chị Nguyễn Kim S đồng ý trả cho bà L số tiền nợ hội 24.318.720 đồng (hai mươi bốn triệu ba trăm mười tám ngàn bảy trăm hai mươi đồng). (trong đó tiền gốc 24.000.000 đồng, tiền lãi 318.720 đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Bích L yêu cầu bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ cùng chị S trả cho bà số tiền nợ hội.

G nhận bà Phạm Bích L không yêu cầu chồng chị S có nghĩa vụ cùng chị S trả cho bà số tiền nợ hội.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị S không thi hành số tiền trên thì hàng tháng chị S còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị S phải chịu 1.215.936 đồng (một triệu hai trăm mười lăm ngàn chín trăm ba mươi sáu đồng). Hoàn trả lại cho bà L 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012529 ngày 18-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã (phường) và nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN VĂN TÂM

